

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRÙNG KHÁNH
TỈNH CAO BẰNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 26/2024/HNGĐ-ST
Ngày 26/9/2024
V/v: "Xin ly hôn, tranh chấp nuôi con
khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÙNG KHÁNH, TỈNH CAO BẰNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nông Quốc Hùng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Văn Xuân và ông Phương Văn Tư.

Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Hiền - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng tham gia phiên tòa: Bà Nông Thị Huyền Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số: 68/2024/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 8 năm 2019 về việc "Xin ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 30/8/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 07/2024/QĐDS-ST, ngày 17/9/2024, giữa:

- Nguyên đơn: Anh Đàm Thanh T; Sinh năm: 1988.

Nơi cư trú: xóm N, xã N, huyện H, tỉnh Cao Bằng (vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Bị đơn: Chị Bé Thị L; Sinh năm: 1993.

Địa chỉ nơi cư trú cuối cùng: Xóm V, thị trấn T, huyện T, tỉnh Cao Bằng. (Vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện ngày 07 tháng 8 năm 2024; Đơn yêu cầu xét xử vắng mặt và Bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án anh Đàm Thanh T trình bày như sau:

Anh và chị Bé Thị L kết hôn có đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện H, tỉnh Cao Bằng vào ngày 27/03/2015, hôn nhân tự nguyện, có tìm hiểu trước khi tiến tới hôn nhân. Sau khi kết hôn, anh chị sống với nhau hạnh phúc tại xã N, huyện H, tỉnh Cao Bằng. Đến năm 2018 chị L bỏ nhà ra đi cho đến nay, anh và gia đình đã

nhiều lần tìm kiếm nhưng không có kết quả. Đến năm 2023 anh đã làm đơn ra Tòa án nhân dân huyện Trùng Khánh yêu cầu tuyên bố mất tích đối với chị Bé Thị L và đến ngày 29/6/2023 Tòa án nhân dân huyện Trùng Khánh đã ra Quyết định số 01/2023/QĐST-VDS về việc tuyên bố mất tích đối với chị Bé Thị L. Nay tình cảm vợ chồng không còn, chị L đã bỏ nhà đi, không quan tâm đến chồng con và mục đích hôn nhân không đạt được nên anh đề nghị Tòa án cho ly hôn với chị Bé Thị L.

Về con chung: Anh T và chị L có 01 con chung tên Đàm Bé Huyền D, sinh ngày 19/3/2016, hiện nay con chung đang sinh sống cùng anh T. Sau khi ly hôn anh yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con đối với chị L.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh và chị L không có tài sản chung, nợ chung trong quá trình hôn nhân nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra, anh không có đề nghị gì thêm.

Quá trình chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa, Tòa án đã nhiều lần triệu tập nhưng Bị đơn vắng mặt không có lý do, không trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và không trình bày ý kiến đối với các tài liệu, chứng cứ Tòa án công bố.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án, Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai, vì vậy việc xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, nguyên đơn vắng mặt nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt nên theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt là có căn cứ. Viện kiểm sát không có yêu cầu, kiến nghị gì.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Áp dụng khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, 39, 227, 228 và 271 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, 53, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí lệ phí đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết vụ án như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố anh Đàm Thanh T được ly hôn với chị Bé Thị L;

Về con chung: Giao cháu Đàm Bé Huyền D, sinh ngày 19/3/2016 cho anh Đàm Thanh T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục đến tuổi trưởng thành. Không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con đối với chị L;

Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không yêu cầu Tòa án giải quyết;

Về án phí: Buộc anh T phải chịu án phí sơ thẩm theo luật định.

Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án; lời trình bày của nguyên đơn, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa Tòa án nhận định các vấn đề cần giải quyết như sau:

[1]. Về tố tụng: Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng.

Tòa án đã tiến hành niêm yết công khai nội dung khởi kiện, tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án; thời gian, địa điểm mở phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải; phiên tòa xét xử nhưng chị L vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, không có văn bản phản hồi đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Tại phiên tòa, Bị đơn vắng mặt lần thứ hai, Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Anh Đàm Thanh T và chị Bé Thị L kết hôn trên cơ sở tự nguyện, được tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện H, tỉnh Cao Bằng vào ngày 27/3/2015, đây là cuộc hôn nhân hợp pháp. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập hợp lệ cho bị đơn nhiều lần nhưng bị đơn đều vắng mặt không có lý do, điều đó thể hiện bị đơn đã không có quan điểm cũng như không quan tâm đến cuộc hôn nhân của chính mình. Năm 2018 chị L đã bỏ nhà ra đi, không quan tâm đến gia đình, mục đích hôn nhân giữa hai người không đạt được như ý muốn. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu ly hôn của nguyên đơn là có căn cứ phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 nên cần được chấp nhận.

[3]. Về con chung: Anh Đàm Thanh T và chị Bé Thị L có 01 con chung tên Đàm Bé Huyền D, sinh ngày 19/3/2016, hiện nay con chung đang ở cùng anh T, con chung đã trên 07 tuổi và có nguyện vọng được ở với anh T. Mặt khác, chị L đã bỏ nhà đi từ năm 2018 không quan tâm đến con chung và gia đình. Vì vậy, xét thấy cần giao con chung cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục là phù hợp với các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con đối với chị L.

[4]. Về tài sản chung, nợ chung: Anh T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Về án phí: Anh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6]. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 51, Điều 53, khoản 2 Điều 56, 57, 58, 81, 82, 83,84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 và 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Đàm Thanh T được ly hôn chị Bê Thị L.

2. Về con chung: Giao cháu Đàm Bế Huyền D, sinh ngày 19/3/2016 cho anh Đàm Thanh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con đối với chị L.

Sau khi ly hôn, chị L có quyền đi lại thăm nom con chung không ai được phép cản trở. Vì quyền lợi của con, khi có căn cứ, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Anh Đàm Thanh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) để sung quỹ Nhà nước. Xác nhận anh T đã nộp số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai số 0002712 ngày 13/8/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng.

5. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm vắng mặt nguyên đơn và bị đơn. Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ, bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được niêm yết tại trụ sở UBND thị trấn T, huyện T, tỉnh Cao Bằng./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh;
- VKSND huyện;
- UBND xã N;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Nông Quốc Hùng

